

3. Điều chỉnh giá thông thường và giá xuất khẩu khi có những khác biệt về thuế, điều kiện bán hàng, cấp độ thương mại, khối lượng, đặc tính vật lý và các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra cho là phù hợp.

4. Khi chuyển đổi tiền tệ, Cơ quan điều tra sử dụng tỷ giá hối đoái tại thời điểm bán hàng, trừ trường hợp giao dịch bán hàng xuất khẩu theo hợp đồng kỳ hạn, tỷ giá hối đoái là tỷ giá quy định của hợp đồng kỳ hạn. Trong trường hợp có sự biến động tỷ giá, Cơ quan điều tra tiến hành điều chỉnh biến động về tỷ giá phù hợp trong thời kỳ điều tra.

5. Các điều chỉnh khác.

### **Điều 26. Phương pháp xác định biên độ bán phá giá**

1. Biên độ bán phá giá được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá thông thường với giá xuất khẩu.

2. Mức chênh lệch giữa giá thông thường với giá xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo một trong các cách sau:

a) So sánh giữa giá trị bình quân gia quyền của giá thông thường với giá trị bình quân gia quyền của giá xuất khẩu.

b) So sánh giữa giá thông thường với giá xuất khẩu trên cơ sở từng giao dịch.

c) So sánh giữa giá trị bình quân gia quyền của giá thông thường với giá xuất khẩu trên cơ sở từng giao dịch với điều kiện tồn tại sự khác biệt đáng kể của giá xuất khẩu giữa những người mua, khu vực địa lý và thời điểm xuất khẩu.

3. Cơ quan điều tra xác định biên độ bán phá giá riêng đối với hàng hóa bị điều tra của từng nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trừ trường hợp được quy định tại Điều 27 Nghị định này.

### **Điều 27. Xác định biên độ bán phá giá trong trường hợp chọn mẫu điều tra**

1. Trường hợp số lượng các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ quá lớn hoặc chủng loại hàng hóa bị điều tra quá lớn, Cơ quan điều tra có thể giới hạn phạm vi điều tra bằng phương pháp chọn mẫu điều tra được quy định tại Điều 40 Nghị định này để xác định biên độ bán phá giá.

2. Trường hợp Cơ quan điều tra giới hạn phạm vi điều tra bằng phương pháp chọn mẫu điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều tra phải xác định biên độ bán phá giá của từng nhóm nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài sau:

a) Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài được chọn mẫu;



b) Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ không được chọn mẫu nhưng tự nguyện tham gia và hợp tác với Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra;

c) Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài còn lại.

3. Biên độ bán phá giá riêng đối với hàng hóa bị điều tra của từng nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài được chọn mẫu điều tra được xác định theo phương pháp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

4. Biên độ bán phá giá của hàng hóa bị điều tra của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ không được chọn mẫu điều tra nhưng tự nguyện tham gia và hợp tác với Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra được xác định theo phương pháp sau:

a) Bằng bình quân gia quyền biên độ bán phá giá riêng áp dụng đối với hàng hóa bị điều tra của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ được chọn mẫu trừ các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ được chọn mẫu có biên độ bán phá giá riêng không vượt quá 2% và các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ được chọn mẫu có biên độ bán phá giá riêng được xác định trên cơ sở các thông tin sẵn có theo quy định tại Điều 10 Nghị định này; hoặc

b) Bằng mức chênh lệch giữa bình quân gia quyền giá thông thường của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ được chọn mẫu và giá xuất khẩu của nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài không được chọn mẫu trong trường hợp tất cả các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ được chọn mẫu có biên độ bán phá giá riêng không vượt quá 2% hoặc có biên độ bán phá giá riêng được xác định trên cơ sở các thông tin sẵn có theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

5. Biên độ phá giá của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài còn lại được xác định trên cơ sở thông tin sẵn có theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

## **Tiểu mục 2**

### **TRỢ CẤP**

#### **Điều 28. Tính riêng biệt của trợ cấp**

1. Trợ cấp quy định tại Điều 84 của Luật Quản lý ngoại thương được coi là mang tính riêng biệt khi trợ cấp chỉ áp dụng riêng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất nhất định hoặc trợ cấp chỉ áp dụng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất trong khu vực địa lý nhất định của nước bị điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

2. Tính riêng biệt của trợ cấp được xác định như sau:



a) Có sự hạn chế rõ ràng cho một hoặc một nhóm các tổ chức, cá nhân hoặc cho một hoặc một nhóm ngành sản xuất nhất định được hưởng trợ cấp;

b) Các tiêu chuẩn, điều kiện hưởng trợ cấp mang tính khách quan được quy định trong các văn bản pháp luật nhưng không được mặc nhiên áp dụng trên thực tiễn;

c) Có sự hạn chế rõ ràng cho các tổ chức, cá nhân trong một vùng địa lý nhất định;

d) Trường hợp trợ cấp không mang tính riêng biệt theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, Cơ quan điều tra vẫn có thể xác định tính riêng biệt dựa trên việc xem xét các yếu tố bao gồm số lượng giới hạn các doanh nghiệp được hưởng trợ cấp, sự phân bổ mức trợ cấp không cân xứng và cách thức cơ quan có thẩm quyền cấp trợ cấp.

3. Các trợ cấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 85 của Luật Quản lý ngoại thương được xem là các trợ cấp mang tính riêng biệt.

### **Điều 29. Phương pháp xác định giá trị trợ cấp và mức trợ cấp**

1. Phương pháp xác định giá trị trợ cấp được quy định như sau:

a) Trường hợp trợ cấp là một khoản cấp không hoàn lại thì giá trị trợ cấp được tính trên cơ sở giá trị thực tế cấp cho tổ chức, cá nhân được hưởng;

b) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức một khoản vay được thực hiện bởi chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền thì giá trị trợ cấp được tính trên cơ sở chênh lệch giữa mức lãi suất phải trả cho khoản vay đó theo điều kiện thị trường và mức lãi suất mà tổ chức, cá nhân thực tế phải trả cho khoản vay đó;

c) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền bảo lãnh vay thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa mức lãi suất phải trả trong trường hợp không được bảo lãnh và mức lãi suất thực tế phải trả khi được bảo lãnh;

d) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền chuyển vốn trực tiếp hoặc chuyển giao cổ phần thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở vốn thực tế mà doanh nghiệp được nhận;

đ) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền mua hàng hóa, dịch vụ với giá cao hơn giá thị trường cho tổ chức, cá nhân thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa giá thị trường với giá thực tế mà chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đó;

e) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền cung cấp hàng hóa, dịch vụ thấp hơn giá thị trường cho tổ chức, cá nhân thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa giá thị



trường với giá bán ra thực tế của chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân;

g) Trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức được chính phủ giao hoặc ủy quyền bỏ qua hoặc không thu các khoản thu mà tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải nộp thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa khoản tiền phải nộp theo quy định pháp luật với khoản tiền mà tổ chức, cá nhân thực sự nộp.

2. Giá trị trợ cấp được cấp dưới hình thức khác sẽ được tính một cách công bằng, hợp lý và không trái với thông lệ quốc tế.

3. Mức trợ cấp cụ thể cho nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài được xác định dựa trên tổng giá trị trợ cấp mang tính riêng biệt mà nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đó nhận được theo quy định tại Điều này và Điều 28 Nghị định này.

## **Mục 2**

### **XÁC ĐỊNH THIỆT HẠI CỦA NGÀNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**

#### **Điều 30. Xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước**

1. Việc xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau:

a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc tiêu dùng trong nước.

b) Tác động ép giá, kìm giá của hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam đối với giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước.

c) Tác động của hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp đối với tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước, bao gồm mức suy giảm thực tế, suy giảm tiềm ẩn của doanh thu, lượng bán hàng, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, công suất, năng suất, đầu tư; các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán trong nước; độ lớn của biên độ bán phá giá, mức trợ cấp; và ảnh hưởng bất lợi thực tế và tiềm ẩn đối với dòng tiền, tồn kho, lao động, tiền lương, khả năng huy động vốn.

d) Các yếu tố tác động có liên quan khác.

2. Việc xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước phải dựa trên những chứng cứ cụ thể.

#### **Điều 31. Xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước**

1. Việc xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau:



a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc so với tiêu dùng trong nước;

b) Năng lực sản xuất của nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đủ lớn hoặc có thể gia tăng đáng kể trong tương lai gần dẫn đến khả năng gia tăng đáng kể của khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam làm giảm giá đáng kể, hoặc kìm giá ở mức đáng kể, hoặc ngăn không cho tăng đáng kể giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước, dẫn đến khả năng gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu;

d) Số liệu tồn kho của hàng hóa bị điều tra;

đ) Các yếu tố có liên quan khác.

2. Việc xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước phải dựa trên những chứng cứ cụ thể.

### **Điều 32. Xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước**

1. Việc xác định sự hình thành của ngành sản xuất trong nước được xem xét dựa trên các yếu tố sau:

a) Đặc điểm của ngành sản xuất trong nước.

b) Thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước.

c) Quy mô hoạt động của ngành sản xuất trong nước so với toàn bộ thị trường.

d) Điểm hòa vốn tài chính hợp lý của ngành sản xuất trong nước.

đ) Ngành sản xuất đang xem xét là ngành sản xuất mới hay là sự mở rộng dây chuyền của ngành sản xuất hiện tại.

e) Các yếu tố có liên quan khác.

2. Việc xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước được quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét dựa trên các yếu tố sau đây:

a) Kế hoạch của ngành sản xuất trong nước.

b) Công suất và sản lượng sản xuất.

c) Khối lượng, số lượng bán hàng trong nước.

d) Thị phần, doanh thu, lợi nhuận.

đ) Giá bán hàng hóa tương tự trong nước.

e) Tình hình xuất khẩu hàng hóa tương tự và tình hình nhập khẩu hàng hóa bị điều tra.



g) Số liệu tồn kho của hàng hóa bị điều tra.

h) Nhân công và tiền lương.

i) Các yếu tố có liên quan khác.

3. Việc xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước phải bảo đảm dựa trên những chứng cứ cụ thể.

### **Điều 33. Nguyên tắc xem xét cộng gộp**

1. Trường hợp hàng hóa bị điều tra được nhập khẩu từ hai hay nhiều nước sản xuất, xuất khẩu, Cơ quan điều tra có thể xác định thiệt hại cộng gộp của hàng hóa bị điều tra.

2. Việc xem xét cộng gộp ảnh hưởng của hàng hóa bị điều tra cần xét đến điều kiện cạnh tranh giữa hàng hóa bị điều tra với nhau và điều kiện cạnh tranh giữa hàng hóa bị điều tra và hàng hóa tương tự sản xuất trong nước.

3. Việc xem xét cộng gộp quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nước có biên độ bán phá giá quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 78 và mức trợ cấp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 86 của Luật Quản lý ngoại thương.

### **Điều 34. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước**

Khi xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc bán phá giá, trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra xem xét các yếu tố sau:

1. Việc bán phá giá, trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là nguyên nhân gây thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước.

2. Các yếu tố khác ngoài việc bán phá giá, trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước sẽ không được xem xét vào ảnh hưởng do hàng hóa bị bán phá giá, được trợ cấp gây ra, bao gồm:

a) Khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam không bị bán phá giá, không được trợ cấp;

b) Mức độ giảm sút của cầu tiêu dùng hoặc sự thay đổi về hình thức tiêu dùng đối với hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

c) Chính sách hạn chế thương mại;

d) Sự phát triển của công nghệ;



- đ) Khả năng xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất trong nước;
- e) Các yếu tố có liên quan khác.

### **Mục 3**

## **QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP**

### **Tiểu mục 1**

### **HỒ SƠ YÊU CẦU**

#### **Điều 35. Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp**

1. Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp gồm các thông tin, giấy tờ, tài liệu, chứng cứ liên quan sau:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tổ chức, cá nhân đại diện ngành sản xuất trong nước;

b) Thông tin, số liệu, chứng cứ để xác định đại diện ngành sản xuất trong nước, bao gồm danh sách các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự; khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự mà các tổ chức, cá nhân nêu trên sản xuất;

c) Tên, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự ủng hộ hoặc phản đối vụ việc;

d) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; quy trình sản xuất; mục đích sử dụng chính; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

đ) Thông tin mô tả về hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam;

e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong ít nhất 03 năm trước khi nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

g) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp hồ sơ hoặc từ khi ngành sản xuất trong nước bắt đầu hoạt động trong trường hợp ngành sản xuất trong nước có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm;



h) Thông tin, số liệu, chứng cứ về mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản d điểm này và thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước;

i) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

2. Ngoài các nội dung tại khoản 1 Điều này, hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá bao gồm các thông tin sau:

a) Thông tin về giá thông thường và giá xuất khẩu của hàng hóa được mô tả theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; biên độ bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

b) Thông tin về nước xuất khẩu hoặc xuất xứ của hàng hóa bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, bao gồm danh sách cụ thể của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài và các nhà nhập khẩu.

3. Ngoài các nội dung tại khoản 1 Điều này, hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp phải có thông tin, chứng cứ về trợ cấp của nước ngoài, bao gồm sự tồn tại của trợ cấp; nước bị cáo buộc thực hiện trợ cấp; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài bị cáo buộc nhận trợ cấp; hình thức và chính sách trợ cấp; số lượng, khối lượng và giá trị của trợ cấp.

### **Điều 36. Thẩm định hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp**

1. Việc xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp được thực hiện theo Điều 20 Nghị định này.

2. Việc thẩm định hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và ban hành quyết định điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý ngoại thương.

3. Nội dung thẩm định hồ sơ gồm:

a) Xác định tư cách đại diện hợp pháp cho ngành sản xuất trong nước của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 79 và khoản 2 Điều 87 của Luật Quản lý ngoại thương;

b) Xác định chứng cứ về việc bán phá giá, trợ cấp của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước.

### **Tiểu mục 2**

## **TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP**

**Điều 37. Quyết định điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá,**



## **chống trợ cấp**

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp bao gồm các nội dung sau:

1. Mô tả chi tiết hàng hóa nhập khẩu bị điều tra, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
2. Thông tin về các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp;
3. Tóm tắt các thông tin về việc bán phá giá, trợ cấp của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước;
4. Trình tự, thủ tục điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp.

### **Điều 38. Thời kỳ điều tra**

1. Thời kỳ điều tra để xác định việc bán phá giá, trợ cấp là 12 tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Cơ quan điều tra có thể xác định một thời kỳ điều tra khác nhưng không ít hơn 06 tháng.

2. Thời kỳ điều tra để xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước ít nhất là 03 năm và phải bao gồm toàn bộ thời kỳ điều tra để xác định việc bán phá giá, trợ cấp. Trong trường hợp bên liên quan có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập sẽ là toàn bộ thời gian hoạt động của bên liên quan đó tính đến hết thời kỳ điều tra để xác định việc bán phá giá, trợ cấp.

### **Điều 39. Bản câu hỏi chọn mẫu**

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định điều tra, Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi chọn mẫu cho các bên liên quan sau:

a) Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài xuất khẩu hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp vào Việt Nam mà Cơ quan điều tra biết;

b) Đại diện tại Việt Nam của chính phủ nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp.

2. Thời hạn để các bên liên quan nộp bản trả lời bản câu hỏi chọn mẫu là 10 ngày kể từ ngày nhận được bản câu hỏi chọn mẫu. Bản câu hỏi chọn mẫu được coi là nhận được sau 07 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra gửi đi. Ngày gửi được xác định căn cứ theo dấu của bưu điện hoặc ngày Cơ quan điều tra đăng tải công khai bản câu hỏi chọn mẫu tại cổng thông tin điện tử của Cơ quan điều tra.

3. Nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài không trả lời bản câu hỏi chọn mẫu đúng thời hạn quy định được coi là bên liên quan không hợp tác theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.



## **Điều 40. Chọn mẫu điều tra**

1. Trường hợp số lượng các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ quá lớn hoặc chủng loại hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp quá lớn, Cơ quan điều tra có thể giới hạn phạm vi điều tra bằng phương pháp chọn mẫu điều tra.

2. Việc chọn mẫu điều tra được thực hiện trên cơ sở thông tin về khối lượng, số lượng, chủng loại hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp được xuất khẩu vào Việt Nam theo các nguyên tắc sau sau:

a) Lựa chọn các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ có lượng hàng hóa xuất khẩu vào Việt Nam lớn nhất trong thời kỳ điều tra mà Cơ quan điều tra có thể thực hiện điều tra mà không ảnh hưởng đến thời hạn điều tra của vụ việc theo quy định tại khoản 3 Điều 70 của Luật Quản lý ngoại thương;

b) Lựa chọn các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài thuộc cùng một nước hoặc vùng lãnh thổ dựa trên thông tin về lượng hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam có giá trị thống kê phù hợp mà Cơ quan điều tra có được tại thời điểm chọn mẫu điều tra.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn trả lời bản câu hỏi chọn mẫu điều tra, Cơ quan điều tra thông báo về việc chọn mẫu điều tra và danh sách các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài được chọn mẫu điều tra trong trường hợp có thực hiện chọn mẫu điều tra. Cơ quan điều tra có thể tham vấn trước với nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài dự kiến được chọn mẫu điều tra để lựa chọn.

4. Cơ quan điều tra có thể xem xét bổ sung các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài khác đã nộp bản trả lời bản câu hỏi chọn mẫu điều tra đầy đủ và đúng hạn vào danh sách các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài được chọn mẫu điều tra nếu có đề nghị từ nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đó và việc bổ sung không ảnh hưởng đến thời hạn điều tra được quy định tại khoản 3 Điều 70 của Luật Quản lý ngoại thương.

## **Điều 41. Bản câu hỏi điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp**

1. Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan, gồm:

- a) Các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước;
- b) Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài xuất khẩu hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp vào Việt Nam mà Cơ quan điều tra biết;
- c) Đại diện tại Việt Nam của chính phủ nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp;
- d) Các nhà nhập khẩu hàng hóa bị điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp;



đ) Các bên liên quan khác.

2. Thời hạn để Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan quy định tại điểm a, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này là 20 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra.

3. Thời hạn Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này là 10 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra thông báo về việc chọn mẫu điều tra theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định này.

4. Thời hạn để các bên liên quan nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra là 30 ngày kể từ ngày nhận được bản câu hỏi điều tra. Trong trường hợp cần thiết hoặc các bên liên quan có văn bản đề nghị gia hạn với lý do hợp lý, Cơ quan điều tra có thể gia hạn nhưng không quá 30 ngày.

5. Bản câu hỏi điều tra được coi là nhận được sau 07 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra gửi đi. Ngày gửi được xác định căn cứ theo dấu của bưu điện hoặc ngày Cơ quan điều tra đăng tải công khai bản câu hỏi điều tra tại cổng thông tin điện tử của Cơ quan điều tra.

### **Tiểu mục 3**

## **ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP**

### **Điều 42. Áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời**

1. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời, mức thuế, thời hạn áp thuế và việc gia hạn thời gian áp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 81 và khoản 1 Điều 89 của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Tên và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời;

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp;

d) Mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời;

đ) Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời;

e) Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời.



3. Thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời được áp dụng không sớm hơn 60 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra.

4. Trường hợp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời được áp dụng thấp hơn biên độ bán phá giá, mức trợ cấp trong kết luận sơ bộ hoặc trong trường hợp tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam yêu cầu gia hạn áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời và khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra của tổ chức, cá nhân xuất khẩu yêu cầu đó chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể gia hạn thời gian áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời nhưng thời gian gia hạn không quá 60 ngày.

#### **Điều 43. Áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức**

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương kết luận điều tra cuối cùng, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức.

2. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức, quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Tên và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

d) Kết luận điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

đ) Biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

e) Hiệu lực và thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

g) Mức chênh lệch về thuế phải hoàn trả, nếu có;

h) Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức.

3. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức và chấm dứt điều tra vụ việc điều



tra chống bán phá giá, chống trợ cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Luật Quản lý ngoại thương, quyết định không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức và chấm dứt điều tra vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp gồm các nội dung sau:

a) Mô tả hàng hóa nhập khẩu không bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức và được chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Tên nước sản xuất, xuất khẩu không bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức và được chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp;

c) Kết luận điều tra có một trong các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Luật Quản lý ngoại thương;

d) Hướng dẫn về hoàn trả thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời nếu có.

#### **Điều 44. Áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước**

1. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 81 và khoản 4 Điều 89 của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Trường hợp xem xét áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước trong thời hạn 90 ngày trước khi áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 81 và điểm b khoản 4 Điều 89 của Luật Quản lý ngoại thương, kết luận điều tra cuối cùng của Cơ quan điều tra phải xác định đủ các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa bị điều tra được xác định bị bán phá giá và/hoặc được trợ cấp;

b) Khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời tăng nhanh đột biến so với giai đoạn tương ứng ngay trước đó;

c) Hàng hóa bị điều tra trước đây đã từng có lịch sử bán phá giá gây thiệt hại hoặc nhà nhập khẩu đã biết hoặc phải biết rằng nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài có hành vi bán phá giá và hành vi bán phá giá đó sẽ gây thiệt hại;

d) Thiệt hại gây ra bởi hàng hóa bán phá giá được nhập khẩu với khối lượng, số lượng lớn và trong thời gian tương đối ngắn có khả năng làm suy giảm nghiêm trọng tác dụng khắc phục hậu quả của thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức. Cơ quan điều tra có trách nhiệm tạo cơ hội để các nhà nhập khẩu được góp ý về những nội dung này.



3. Trường hợp mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức cao hơn mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời thì mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước bằng mức thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp tạm thời.

4. Trường hợp mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức thấp hơn mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời thì mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp có hiệu lực trở về trước bằng mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức.

#### **Điều 45. Áp dụng biện pháp cam kết trong vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp**

1. Sau khi Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp tạm thời hoặc khi có kết luận điều tra sơ bộ, chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc giai đoạn điều tra, Bên bị yêu cầu hoặc Chính phủ của Bên bị yêu cầu trong trường hợp điều tra chống trợ cấp có thể gửi cam kết loại trừ bán phá giá, trợ cấp bằng văn bản tới Cơ quan điều tra.

2. Cam kết loại trừ bán phá giá gồm các nội dung sau:

- a) Phạm vi hàng hóa;
- b) Giá tham chiếu bao gồm giá tự xác định, mức tăng giá, phương án điều chỉnh giá;
- c) Nghĩa vụ thông báo định kỳ;
- d) Nghĩa vụ hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện cam kết loại trừ bán phá giá, trợ cấp;
- đ) Các nội dung có liên quan khác.

3. Cam kết loại trừ trợ cấp bao gồm các nội dung sau:

- a) Phạm vi hàng hóa;
- b) Giá tham chiếu bao gồm giá tự xác định, mức tăng giá, phương án điều chỉnh giá;
- c) Cam kết loại bỏ hoàn toàn, một phần các chương trình trợ cấp của Chính phủ nước xuất khẩu;
- d) Nghĩa vụ thông báo định kỳ;
- đ) Nghĩa vụ hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện cam kết loại trừ bán phá giá, trợ cấp;
- e) Các nội dung có liên quan khác.